

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của ngành Giáo dục
giai đoạn 2016 - 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của ngành Giáo dục giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo, Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- TW Hội LHPNVN;
- Ủy ban QGVSTBPNVN;
- TW Hội Khuyến học Việt Nam;
- Lưu: VT, Cục NGCBQLCSGD.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nghĩa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KẾ HOẠCH

Hành động về bình đẳng giới của ngành Giáo dục giai đoạn 2016-2020

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 4096/QĐ-BGDĐT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU CHUNG

Thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng giữa nam và nữ về cơ hội tiếp cận, tham gia, hưởng lợi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Mục tiêu 1: Tăng tỉ lệ nữ tham gia các vị trí quản lý, lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục, các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và nghiên cứu khoa học

Chỉ tiêu 1: 90% phòng giáo dục và đào tạo và 95% sở giáo dục và đào tạo có nữ tham gia Ban Lãnh đạo.

Chỉ tiêu 2: 95% cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên có nữ tham gia Ban Giám hiệu/Ban Giám đốc.

Chỉ tiêu 3: 90% cơ sở giáo dục đại học có nữ tham gia Hội đồng trường /Ban Giám hiệu/Ban Giám đốc.

Chỉ tiêu 4: 40% nữ tiến sĩ trên tổng số tiến sĩ đang công tác trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Chỉ tiêu 5: 35% nữ làm chủ nhiệm các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý.

Mục tiêu 2: Thu hẹp khoảng cách giữa trẻ em trai và gái trong tiếp cận giáo dục, tăng tỉ lệ biết chữ của trẻ em gái và phụ nữ dân tộc thiểu số ở những vùng khó khăn

Chỉ tiêu 1: Giảm tỉ lệ trẻ em trong độ tuổi phổ cập giáo dục không đến trường, chú trọng đối tượng trẻ em trai ở khu vực Tây Nguyên và trẻ em gái ở vùng miền núi phía Bắc.

Chỉ tiêu 2: Tỉ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15-60 đạt 98%, độ tuổi 15-35 là 99%; đối với các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ tỷ lệ này tương ứng là 94% và 96%.

Chỉ tiêu 3: Đến cuối năm 2018, hoàn thành 01 báo cáo khảo sát về thực trạng đời sống của giáo viên trẻ (dưới 30 tuổi) vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để đưa ra các khuyến nghị về cơ chế chính sách phù hợp.

Chỉ tiêu 4: Tăng tỷ lệ nam giới tham gia học tập và làm việc trong ngành học mầm non, tiểu học; tăng tỷ lệ nhà giáo nữ ở các cơ sở giáo dục trung học phổ thông, đại học.

Mục tiêu 3: Đảm bảo các vấn đề về giới, bình đẳng giới được lồng ghép trong chương trình tổng thể, chương trình môn học, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới

Chỉ tiêu 1: Nội dung, chương trình và sách giáo khoa phổ thông mới được điều chỉnh và loại bỏ những nội dung, hình ảnh có định kiến giới nhằm góp phần thúc đẩy bình đẳng giới.

Chỉ tiêu 2: 100 % Ban soạn thảo, thẩm định chương trình và sách giáo khoa phổ thông sử dụng tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới trong xây dựng chương trình và sách giáo khoa (tài liệu được xây dựng trong khuôn khổ Sáng kiến về Giới).

Chỉ tiêu 3: Nội dung về giới tính, giới, bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản, tình dục và phòng chống bạo lực học đường được giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt ở các trường sư phạm.

Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng công tác truyền thông về bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới trong các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở đào tạo, cha mẹ học sinh và cộng đồng

Chỉ tiêu 1: Ít nhất 05 tài liệu truyền thông về các vấn đề giới, bình đẳng giới và liên quan đến giới được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và phổ biến rộng rãi.

Chỉ tiêu 2: 100% cán bộ chủ chốt của Hội Khuyến học Việt Nam ở các địa phương (từ cấp xã đến cấp tỉnh) được nâng cao nhận thức về giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua việc tiếp cận với các tài liệu truyền thông, các khóa tập huấn nâng cao năng lực cũng như tham gia các sự kiện truyền thông.

Chỉ tiêu 3: Có ít nhất 02 triệu lượt phụ huynh học sinh, 06 triệu lượt học sinh từ bậc học tiểu học đến trung học phổ thông và khoảng 02 nghìn cán bộ các cấp ở địa phương được tiếp cận các vấn đề giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua các tài liệu và sự kiện truyền thông.

Chỉ tiêu 4: Có ít nhất 600 lượt cán bộ, giáo viên và học sinh được tập huấn trở thành đội ngũ truyền thông nguồn về giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới của ngành Giáo dục.

Mục tiêu 5: Phòng chống bạo lực học đường, bạo lực học đường trên cơ sở giới, thúc đẩy môi trường học tập an toàn và thân thiện

Chỉ tiêu 1: Đến năm 2017, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

Chỉ tiêu 2: Đến năm 2017, tổ chức ít nhất 02 khóa học trực tuyến về bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới dành cho cán bộ quản lý, giáo viên và cán bộ tư vấn học đường trong các nhà trường.

Chỉ tiêu 3: 100% cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ tư vấn của các trường học được nâng cao năng lực thông qua việc tiếp cận các kiến thức liên quan đến giới, bình đẳng giới, lồng ghép giới và quản lý bạo lực học đường.

Mục tiêu 6: Tăng cường công tác thống kê có trách nhiệm giới, lồng ghép giới vào hoạch định chính sách, lập kế hoạch và quản lý ngành Giáo dục

Chỉ tiêu 1: 100% CBNV phụ trách công tác thống kê, báo cáo, pháp chế và thành viên các ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, các cán bộ lập kế hoạch và quản lý của ngành Giáo dục được phổ biến về vấn đề giới, bình đẳng giới, các vấn đề liên quan giới.

Chỉ tiêu 2: Xây dựng và áp dụng thống nhất mẫu biểu thu thập số liệu thống kê, mẫu biểu báo cáo số liệu thống kê có phân tách giới (từ cấp địa phương đến trung ương) và công bố rộng rãi trên website của Bộ.

Chỉ tiêu 3: 100% các văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo do ngành Giáo dục tham mưu hoặc trực tiếp ban hành được rà soát dưới góc độ giới.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp chung

a) Tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và sự tham gia của các tổ chức đoàn thể cùng cấp đối với việc thực hiện Kế hoạch hành động về Bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 của ngành Giáo dục.

b) Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đào tạo thường xuyên báo cáo, liên hệ với Lãnh đạo các cấp nhằm tạo sự phối kết hợp chặt chẽ giữa cấp ủy Đảng, chính quyền với Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ cùng cấp trong việc thực hiện Kế hoạch hành động nói chung và công tác cán bộ nữ nói riêng.

c) Chỉ đạo kiện toàn và củng cố Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cơ quan giáo dục, đào tạo, các học viện, trường đại học, cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm và các đơn vị trực thuộc Bộ.

d) Phối hợp với Công đoàn Giáo dục Việt Nam nghiên cứu, chỉ đạo tốt các phong trào, các cuộc vận động hỗ trợ nữ cán bộ, công nhân viên hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

đ) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên.

e) Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới.

f) Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của Bộ/ngành Giáo dục, trong xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương. Tăng cường kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch về bình đẳng giới.

g) Phối hợp các bộ, ngành liên quan tham mưu cho Chính phủ trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống chế độ, chính sách cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đào tạo trên tinh thần đảm bảo bình đẳng giới.

h) Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả công tác bình đẳng giới trong giáo dục như: Trao đổi thông tin về dân số, lao động nữ trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật; Xây dựng hệ thống tiêu chí, yêu cầu thống kê thống nhất giữa Tổng cục thống kê và các ngành, lĩnh vực, quan tâm đến vấn đề giới; Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) bổ sung nội dung về dân số theo nhóm tuổi đi học, theo nam - nữ, dân tộc và theo tỉnh/thành phố trong cuốn niên giám thống kê hàng năm để làm cơ sở tính toán các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo, cũng như những nghiên cứu liên quan đến những vấn đề giới, làm cơ sở đánh giá thực trạng và đề xuất chính sách về giới sát thực hơn. Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành khác có liên quan xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định hỗ trợ nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi theo quy định và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

i) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính cho công tác bình đẳng giới.

j) Tăng cường công tác nghiên cứu về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục.

k) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương về bình đẳng giới trong giáo dục.

l) Tham gia các đợt đánh giá việc thực hiện Luật bình đẳng giới và các Luật, chiến lược, văn bản pháp lý có liên quan về giới để có thông tin, dữ liệu, bằng chứng nhằm điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các chỉ tiêu, hoạt động phù hợp với mục tiêu chung.

2. Giải pháp cụ thể

a) Các giải pháp thực hiện Mục tiêu 1

- Nâng cao năng lực cán bộ, đặc biệt là cán bộ cấp có quyền ra quyết định trong việc đưa ra các cơ chế, quy định phù hợp với luật pháp hiện hành về tỉ lệ tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước về

giáo dục và các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực về kỹ năng quản lý, lãnh đạo cho cán bộ nữ trong quy hoạch của ngành;

- Xây dựng và ban hành văn bản khuyến khích, ưu tiên cho nữ khi tham gia tuyển chọn đề tài nghiên cứu khoa học các cấp;

- Quy hoạch cán bộ hàng năm của các cơ sở giáo dục và các cấp quản lý về giáo dục cần đảm bảo yếu tố giới. Xây dựng các biện pháp, chỉ tiêu cụ thể cho công tác cán bộ nữ;

- Đảm bảo cân bằng của nam giới và nữ giới trong các khóa đào tạo, tập huấn ở tất cả các cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân;

- Tổ chức các hội nghị thường niên và định kỳ về công tác cán bộ nữ trong ngành Giáo dục, chú ý tới tỉ lệ tham gia cân bằng giữa nam giới và nữ giới;

- Có các hoạt động cụ thể (thực hiện các nghiên cứu, truyền thông, vận động chính sách trong các sự kiện phù hợp) về rào cản trong sự chênh lệch tuổi nghỉ hưu nữ 55 tuổi, nam 60 tuổi, ảnh hưởng tới việc bồi dưỡng, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ nữ;

- Thu thập, tập hợp, tạo nguồn và có chỉ dẫn cụ thể địa chỉ, cách tiếp cận các khóa tập huấn về nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo cho cán bộ nữ, trong đó có các khóa đào tạo trực tuyến để cán bộ nữ có thể tiếp cận và theo học một cách linh hoạt;

- Lồng ghép các thông tin và kiến thức về giới, bình đẳng giới, chống phân biệt đối xử trên cơ sở giới tại nơi làm việc thông qua các đợt sinh hoạt chính trị tại cơ quan, các dịp lễ kỷ niệm hoặc các sự kiện có liên quan, nhằm phổ biến, truyền thông nâng cao nhận thức tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động.

b) Các giải pháp thực hiện Mục tiêu 2

- Rà soát, đánh giá thực trạng và nhu cầu đến trường của trẻ em gái và trẻ em trai ở một số địa phương trọng điểm (miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên). Rà soát tình trạng bỏ học của học sinh phổ thông. Chú trọng trẻ em gái vùng dân tộc, trẻ em gái có hoàn cảnh đặc biệt dễ bị tổn thương. Đặc biệt việc triển khai các chương trình hỗ trợ học sinh nữ trong giai đoạn chuyển tiếp từ tiểu học đến trung học cơ sở; từ trung học cơ sở đến trung học phổ thông, học nghề, trung cấp chuyên nghiệp hoặc đại học;

- Tuyên truyền, vận động cộng đồng, triển khai chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức và chia sẻ thông tin hướng đến gia đình và trường học để khuyến khích và huy động trẻ em đến trường, tạo điều kiện hòa nhập cho những trẻ em gái có hoàn cảnh đặc biệt dễ bị tổn thương (ưu tiên đối với các địa phương có tỷ lệ trẻ em gái và trẻ em trai đến trường thấp nhất so với cả nước);

- Tổ chức triển khai tuyên truyền về tầm quan trọng của việc biết chữ đối với phụ nữ; Đổi mới vận động, hình thức và phương pháp xóa mù chữ phù hợp phụ nữ, đặc biệt phụ nữ dân tộc thiểu số;

- Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu xóa mù chữ của nam, nữ trong độ tuổi từ 15 trở lên (chú trọng đến các địa phương có tỷ lệ mù chữ cao). Điều tra, cập nhật, thống kê số liệu mù chữ hàng năm có tách giới theo phần mềm quản lý phổ cập giáo dục và xóa mù chữ (PCGD-XMC) của Bộ; Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia các lớp xóa mù chữ cho phụ nữ dân tộc;

- Đẩy mạnh các chương trình hướng dẫn và tư vấn cho giáo viên làm việc với trẻ em gái dân tộc thiểu số, trẻ em gái có hoàn cảnh đặc biệt dễ bị tổn thương;

- Tổ chức các nghiên cứu đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu hỗ trợ đời sống cho giáo viên trẻ ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, làm cơ sở để Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất với Chính phủ về chính sách khuyến khích sự tham gia của giáo viên trẻ ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới và hải đảo;

- Rà soát, điều chỉnh các chính sách hiện hành nhằm tăng tính phù hợp và hiệu quả của các chính sách về luân chuyển cán bộ làm việc ở vùng sâu vùng xa.

c) Các giải pháp thực hiện Mục tiêu 3

- Phối hợp với các cơ quan, phương tiện truyền thông nhằm phổ biến rộng rãi các thông tin và kiến thức về Bình đẳng giới; xóa bỏ định kiến giới trong chương trình, sách giáo khoa, giúp nâng cao nhận thức của ngành Giáo dục nói riêng và của toàn xã hội chung về vấn đề giới trong sách giáo khoa;

- Xây dựng, phổ biến và tổ chức tập huấn sử dụng tài liệu hướng dẫn về lồng ghép giới trong chương trình, sách giáo khoa kèm theo các mẫu chỉnh sửa liên quan đến giới trong sách giáo khoa (bao gồm nội dung, hình ảnh, ngôn ngữ...) tới các ban biên soạn, thẩm định chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông (sau năm 2018);

- Khuyến khích việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền thông tin, hướng dẫn các nhà xuất bản trong việc biên soạn sách giáo khoa, cũng như phổ biến thông tin phù hợp tới cha mẹ, giáo viên và học sinh về việc lựa chọn sách giáo khoa có nội dung đảm bảo có sự lồng ghép giới;

- Xây dựng đề án, dự án về phương pháp giảng dạy giới, bình đẳng giới trong các cơ sở đào tạo giáo viên;

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn, tài liệu tham khảo, chỉ dẫn nguồn, phổ biến, tập huấn cho giáo viên phương pháp tích hợp giảng dạy về giới tính, giới, sức khỏe sinh sản, tình dục và bình đẳng giới vào các môn Tự nhiên, Xã hội, Sinh học, Giáo dục công dân.

- Phối hợp với Bộ Y tế, thực hiện chương trình thử nghiệm về giáo dục giới tính học đường tại trường học. Tăng cường truyền thông giáo dục giới tính và cung

cấp thông tin truyền thông về sức khỏe tình dục và kế hoạch hóa gia đình cho học sinh, sinh viên

d) Các giải pháp thực hiện Mục tiêu 4

- Tổ chức các cuộc thi, diễn đàn, câu lạc bộ liên quan đến bình đẳng giới, khuyến khích việc tổ chức các mô hình hoặc tấm gương tốt về bình đẳng giới trong các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở đào tạo, cha mẹ học sinh và cộng đồng;

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn, sổ tay về lồng ghép giới trong công tác khuyến học, phổ biến rộng rãi tới các Bộ chủ chốt về công tác khuyến học của các địa phương;

- Đưa nội dung về giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới vào các khóa tập huấn của Hội Khuyến học Việt Nam nhằm đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình dòng họ và cộng đồng theo Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014;

- Xây dựng sổ tay, tài liệu, tờ rơi tờ gấp và các công cụ truyền thông phù hợp tuyên truyền về bình đẳng giới, các hoạt động/mô hình hay về thúc đẩy bình đẳng giới, xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới;

- Xây dựng và thực hiện Chương trình Phóng viên nhỏ hay nhóm/câu lạc bộ Nhà báo trẻ về bình đẳng giới để nâng cao nhận thức cho các nhà trường, cộng đồng và gia đình về bình đẳng giới và giáo dục cho trẻ em gái;

- Tập huấn kỹ năng truyền thông về bình đẳng giới, xây dựng thông điệp về bình đẳng giới cho phóng viên và cán bộ truyền thông;

- Tăng cường hoạt động của hội cha mẹ học sinh kết hợp với nhà trường, cộng đồng về thúc đẩy bình đẳng giới, phá bỏ các khuôn mẫu giới không còn phù hợp, giải quyết các vấn đề bạo lực học đường;

- Biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn cho đội ngũ truyền thông nguồn về bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới của ngành Giáo dục.

đ) Các giải pháp thực hiện Mục tiêu 5

- Nghiên cứu đánh giá thực trạng bạo lực học đường, bạo lực học đường trên cơ sở giới và nạn bắt nạt có liên quan đến trường học để đưa ra các khuyến nghị, giải pháp nhằm quản lý và giải quyết các vấn đề này trong và ngoài nhà trường;

- Biên soạn tài liệu, tổ chức tập huấn về quản lý bạo lực học đường, bạo lực học đường trên cơ sở giới và nạn bắt nạt có liên quan đến trường học cho giáo viên chủ nhiệm, nhân viên tư vấn, ban giám hiệu;

- Lồng ghép giáo dục phòng chống bạo lực trên cơ sở giới vào nội dung, chương trình giảng dạy trong nhà trường, nhất là đối với các môn Đạo đức, Giáo dục công dân;

- Hướng dẫn tổ chức các hoạt động truyền thông, tọa đàm về chủ đề ngăn chặn bạo lực học đường trên cơ sở giới phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng;

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, đào tạo chủ động phối hợp, xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng tại địa phương (Công an, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên) trong công tác phòng chống và quản lý bạo lực học đường;

- Ban hành quy định trường học an toàn, thân thiện, bình đẳng và phòng chống bạo lực học đường;

- Tổ chức vận động chính sách, để tăng số lượng và vận hành các phòng tư vấn tại trường học;

- Các nội dung liên quan tới giáo dục giới tính toàn diện được đưa vào giảng dạy trên lớp hoặc trong các hoạt động ngoại khóa của các cấp bậc học một cách phù hợp;

- Tiếp tục trang bị kiến thức và kỹ năng phòng chống bạo lực học đường cho học sinh, sinh viên;

- Tăng cường việc chia sẻ thông tin các mô hình đã thực hiện về công tác/dịch vụ tư vấn về phòng chống bạo lực học đường.

e) Các giải pháp thực hiện Mục tiêu 6

- Khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo của cán bộ quản lý, lãnh đạo về lập kế hoạch và thống kê đáp ứng trách nhiệm giới;

- Xây dựng tài liệu và đào tạo nhóm chuyên gia về giới trong lập kế hoạch và thống kê ngành, lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Tổ chức tập huấn về quản lý dựa trên kết quả có nhạy cảm giới trong công tác lập kế hoạch, báo cáo, theo dõi và đánh giá;

- Tập huấn về kỹ năng phân tích, đánh giá và lồng ghép giới trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và quản lý/lãnh đạo cho cán bộ làm công tác pháp chế, thành viên các ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, cán bộ lập kế hoạch;

- Thực hiện phân tích giới và lồng ghép giới khi soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về giới trong ngành giáo dục, dựa vào các chỉ tiêu của ngành và của Mục tiêu phát triển bền vững số 4 về chất lượng giáo dục và mục tiêu số 5 về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và em gái;

- Phối hợp với Tổng cục Thống kê, phân tích nhu cầu và khuyến nghị xây dựng Bộ chỉ số về giới của ngành Giáo dục.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Vì sự tiến bộ của Phụ nữ ngành Giáo dục tham mưu Lãnh đạo Bộ và Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo và quán triệt quan điểm của Bộ về việc thực hiện bình đẳng giới trong ngành Giáo dục và các nội dung, hoạt động của Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 (02 Phụ lục kèm theo) đến các cơ quan quản lý giáo dục các cấp, các cơ sở giáo dục và đào tạo.

2. Cơ quan quản lý giáo dục các cấp, các cơ sở giáo dục và đào tạo phối hợp với chính quyền địa phương trong việc xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch từng năm của đơn vị.

3. Hàng năm, Ban Vì sự tiến bộ của Phụ nữ các cấp căn cứ vào các mục tiêu, chỉ tiêu trong Kế hoạch để đánh giá kết quả thực hiện và gửi báo cáo về Bộ vào tháng 12 (qua Ban Vì sự tiến bộ Phụ nữ ngành Giáo dục).

4. Bộ sẽ tổ chức đánh giá sơ kết giữa kỳ việc thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 vào năm 2018 và tổng kết vào cuối năm 2020.

5. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản hồi về Bộ phận thường trực Ban Vì sự tiến bộ Phụ nữ ngành Giáo dục để có thông tin kịp thời.

V. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên do nhà nước cấp hàng năm cho các cơ sở và các đơn vị của Bộ để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu.

2. Chương trình mục tiêu Hỗ trợ hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Tài trợ, viện trợ, huy động từ xã hội và cộng đồng trong và ngoài nước.

4. Các dự án vốn vay liên quan.

5. Lồng ghép với kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

6. Lồng ghép với các chính sách liên quan và các nguồn hợp pháp khác.